TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142*/2018/QĐST/HNGĐ*

M, ngày 02 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Y, sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn K, xã K, huyện M, Tp H

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1977.

Trú tại: Thôn K, xã K, huyện M, Tp H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 ngày 18/8/1997, tại UBND xã K, huyện M, thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/6/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phùng Thị Y và anh Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: chị Y và anh B có 01 con chung là Nguyễn Phùng Q, sinh ngày 13/7/1998.

Hiện cháu Q đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên hai bên không yêu cầu giải quyết.

- **Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ**: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Y tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận chị Y đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016555 ngày 14/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Hoàn trả lại chị Y số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND M*
- *Chi cục THADS M.*
- *CQ đã thực hiện việc ĐKKH*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim T